TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **198**/2022/HSST
Ngày : 09/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Thức;

2/ Bà Trần Quang Cảnh;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Thương là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 161/2022/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN NGỌC MINH Q**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1991 tại: tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh bất động sản; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Tấn D, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1970; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại*: Chị Trần Phối N, sinh năm 1994; trú tại: Đường V, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Trần Ngọc Minh Q là nhân viên Công ty Cổ phần Việt Hưng P sau đó nghỉ làm. Đến năm 2019 Q làm việc tại Công ty cổ phần địa ốc Đất V. Do cần tiền tiêu xài nên Trần Ngọc Minh Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng việc ký kết hợp đồng đặt cọc mua, bán đất nền với khách hàng. Trong thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần Việt Hưng P, Q đã nhiều lần ký hợp đồng bán đất nền cho chị Trần

Phối N và biết chị N là khách hàng thường xuyên mua các dự án đất nền để đầu tư nên Q gọi điện cho chị N giả vờ nói hiện có 1 lô đất dự án tại xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do khách hàng đã mua nhưng không đủ tiền thanh toán nên cần bán rẻ với giá 600.000.000 đồng và gửi cho chị N một sơ đồ bản vẽ phân lô đánh dấu lô A, ô số 18 (sơ đồ này Q giữ lại khi còn làm việc tại công ty Cổ phần Việt Hưng P). Chị N thấy giá rẻ hơn so với thị trường và tin tưởng là thật nên đồng ý mua. Để thực hiện việc ký hợp đồng với chị N, Q nảy sinh ý định lấy phiếu thoả thuận của Công ty cổ phần địa ốc Đất V để ký kết hợp đồng đặt cọc với chị N nên đã nói với ông Nông Văn H Giám đốc công ty Đất V là có khách cần đặt cọc mua 01 lô đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là dự án của Công ty Đất V), ông H tưởng thật nên yêu cầu chị Dương Thị N (là văn thư của Công ty) cấp cho Q 02 phiếu thỏa thuận để ký đặt cọc với khách hàng. Sau đó, chị N đã đưa cho Q 02 phiếu thỏa thuận số 091/2019/PTT/BRVT với hiện trạng: Các phần thông tin khách hàng, mã sản phẩm, giá trị lô đất, số tiền thanh toán trước được để trống; Có sẵn chữ ký của ông H và hình dấu tròn của công ty cổ phần địa ốc Đất V. Sau đó, Q đến cửa hàng photocoppy Thanh S tại số đường B, phường, Quận T in màu 01 phiếu thỏa thuận trên và dùng phiếu thỏa thuận in màu này để ký kết việc đặt cọc mua đất với chị N nên ngày 07/8/2019, Q đến nhà chị N tại đường V, phường H, Quận T để ký kết hợp đồng đặt cọc và nhận tiền, tại đây Q điền đầy đủ phần thông tin vào các mục còn để trống như thông tin khách hàng; Mã sản phẩm; Tổng giá trị lô đất; số tiền thanh toán trước rồi đưa cho chị N ký tên và giao lại cho chị N phiếu thỏa thuận này. Q nhận 200.000.000 đồng tiền mặt từ chị N.

Đến ngày 08/8/2019, Q nói với chị N nếu đặt cọc thêm 200.000.000 đồng nữa thì sẽ được chiết khấu 01 xe gắn máy Honda AirBlade thì chị N đồng ý. Q tiếp tục đến cửa hàng Photocopy Thanh S in màu 01 phiếu thỏa thuận và dùng phiếu thỏa thuận in màu này để ký kết việc nhận tiền cọc lần 2 đối với chị N. Chị N đề nghị Q cộng 02 lần tiền đặt cọc lại và ghi nhận số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng, phiếu thỏa thuận ký ngày 07/8/2019 sẽ bị hủy. Q đồng ý ghi nhận như trên và nói chị N tự hủy phiếu thỏa thuận ngày 07/8/2019. Q nhận thêm 200.000.000 đồng tiền mặt từ chị N. Sau khi nhận 400.000.000 đồng của chị N, Q đã sử dụng vào mục đích cá nhân, chi trả các khoản vay nợ của mình.

Sau đó, chị N liên lạc với Q nhiều lần để đi xem đất nhưng Q tìm lí do không đi nên chị N đến Công ty Cổ phần Địa ốc Đất V theo địa chỉ ghi trong Phiếu thỏa thuận (đường N, phường 12, quận Tân Bình) để tìm hiểu thêm thông tin về dự án thì được biết Phiếu thỏa thuận mà Q ký kết với chị N là giả và lô đất Q giới thiệu bán cho chị N cũng không có trong dự án của Công ty Cổ phần Địa ốc Đất V. Sau đó, chị N đến công an phường trình báo.

Tại Cơ quan điều tra Trần Ngọc Minh Q thừa nhận toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên.

Theo Kết luận giám định số 1130/KLGĐ-TT ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh giám định chữ viết trên Phiếu thỏa thuận so với chữ viết của Trần Ngọc Minh Q là cùng một người viết ra. Chữ ký mang tên Nông

Văn H và hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐẤT V" trên Phiếu thỏa thuận được làm giả bằng phương pháp in màu.

* *Vật chứng thu giữ*:

+ 02 Phiếu thỏa thuận số 091/2019/PTT/BRVT (kèm hồ sơ vụ án).

+ 01 sơ đồ phân lô đất thuộc quyền phân phối của công ty Đất V (kèm hồ sơ vụ án).

* *Về phần dân sự*: Ngày 10/11/2020 gia đình bị can Trần Ngọc Minh Q đã bồi thường cho chị Trần Phối N số tiền 45.000.000 đồng. Chị N tiếp tục yêu cầu bị can Q bồi thường số tiền 355.000.000 đồng và có đơn xin bãi nại cho bị can Q;

Tại bản cáo trạng số: 152/CT-VKSQ.TP ngày 25 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Minh Q về các tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a Khoản 3 Điều 174 và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa: Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm Khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc Minh Q từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" và từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần trách nhiệm dân sự và vật chứng.

Bị cáo Trần Ngọc Minh Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc Minh Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ

sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để xác định: do cần tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên từ ngày 07/8/2019 đến ngày 08/8/2019 Trần Ngọc Minh Q đã có hành vi sử dụng 02 giấy thỏa thuận có chữ ký sẵn của ông Nông Văn H và hình dấu tròn của Công ty cổ phần địa ốc V mang đi làm giả 02 phiếu thỏa thuận khác bằng phương pháp in phun màu rồi đưa ra thông tin không đúng sự thật giả vờ nói có 01 lô đất nền dự án tại xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do khách hàng đã mua nhưng không đủ tiền thanh toán nên cần bán lại với giá rẻ 600.000.000 đồng. Q đã dùng giấy thỏa thuận photocopy in màu của Công ty cổ phần địa ốc Đất V và điền thông tin khách hàng, giá tiền, thông tin lô đất không đúng sự thật để ký kết Hợp đồng đặt cọc mua bán đất với chị Trần Phối N nhằm để chị Trần Phối N tin tưởng và 02 lần đưa tiền cho Q với tổng số tiền 400.000.000 đồng tại đường V, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh rồi sau đó chiếm đoạt.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào các tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a Khoản 3 Điều 174 và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính Nhà nước. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: trong vụ án này, bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần để khắc phục hậu quả và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Trần Phối N số tiền 45.000.000 đồng. Người bị hại chị Trần Phối N tiếp tục yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại 355.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị N. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với 02 Phiếu thỏa thuận số 091/2019/PTT/BRVT và 01 sơ đồ phân lô đất thuộc quyền phân phối của công ty Đất V. Xét đây là chứng cứ trong vụ án nên được lưu trong hồ sơ;

[6] *Án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Minh Q phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Trần Ngọc Minh Q 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Trần Ngọc Minh Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/10/2020.

* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc Minh Q có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Phối N số tiền 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Lưu hồ sơ vụ án 02 Phiếu thỏa thuận số 091/2019/PTT/BRVT và 01 sơ đồ phân lô đất thuộc quyền phân phối của công ty Đất V;

Bị cáo Trần Ngọc Minh Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt/niêm yết bản án hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Huỳnh Hoàng Phương